

Số: /KH-UBND Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”

Thực hiện Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 và Chương trình hành động số 96-CTr/TU, ngày 26/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) và căn cứ Kế hoạch số 132-KH/HU ngày 25/9/2024 thực hiện Chương trình hành động số 96-CTr/TU ngày 26/4/2024 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, UBND huyện ban hành kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn huyện để nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” và các Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và UBND huyện thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW.

- Các cấp, các ngành ở địa phương bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 42-NQ/TW, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và UBND huyện để thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW tại địa phương, đơn vị.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, UBND xã, thị trấn chủ động, phối hợp trong việc huy động các nguồn lực Nhà nước và xã hội theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” với sự vào cuộc tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng xã hội.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Bám sát Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 96-CTr/TU ngày 26/4/2024 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 131/KH-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị và các chính sách, pháp luật hiện hành liên quan để xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành về chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là đối tượng người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, trẻ em, người cao tuổi ... trên địa bàn huyện được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, trợ giúp xã hội và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, công nghệ thông tin ...

- Phát triển thị trường lao động của địa phương linh hoạt, hiệu quả, hội nhập với thị trường lao động trong nước và quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đảm bảo 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo, nâng cao đời sống về vật chất lẫn tinh thần, có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú; không có hộ nghèo là người có công với cách mạng.

- Có 100% đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chế độ trợ giúp xã hội theo quy định của chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85% trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 60%.

- Tỷ lệ hộ nghèo <1%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong tỉnh.

- Có 100% khu phố, thôn có Nhà văn hóa cơ bản đạt chuẩn thiết chế văn hóa cơ sở.

- Phần đầu có 40% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 6% nông dân, lao động phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện; 14% người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong số người tham gia BHXH; 28% lực lượng lao động tham gia BHXH thất nghiệp; 50% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- Có trên 98% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 5%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét. Mỗi Trạm Y tế xã, thị trấn có ít nhất 01 bác sĩ.

- Xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Có 100% hộ gia đình ở thành thị và hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ hộ đăng ký thu gom rác thải tại các xã, thị trấn đạt 100%; có trên 2.000 hộ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải. Có 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ trợ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện, huyện nằm trong nhóm các huyện, thành phố có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trong toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Chính quyền, mặt trận, cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức từ huyện đến thôn, bản, khu phố chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn về vị trí, vai trò và tính ưu việt của hệ thống chính sách - xã hội của Đảng và Nhà nước ta để tích cực tham gia thực hiện tốt công tác chính sách - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quê hương.

- Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền đảm bảo phù hợp đối tượng, thiết thực và hiệu quả; khai thác các nền tảng mạng xã hội như zalo, facebook ... để nâng cao hiệu quả tuyên truyền các chính sách xã hội.

- Đánh giá, tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác chính sách - xã hội; nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác chính sách xã hội.

2. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện cho người dân trong tiếp cận chính sách xã hội.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội các cấp ở địa phương. Quan tâm hướng dẫn, củng cố tổ chức và hoạt động chính sách - xã hội của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ huyện, Hội Chữ thập đỏ và các Hội quần chúng làm công tác chính sách - xã hội. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng năng lực quản lý, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên chính sách - xã hội trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số. Vận động nâng cao tỷ lệ người thụ hưởng an sinh xã hội được thanh toán không dùng tiền mặt.

- Huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội. Bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại kế hoạch này.

- Tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận, đoàn thể các cấp và của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi người có công theo quy định Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực thông qua các phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Toàn dân tham gia chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ” ... để tạo thêm nguồn lực chăm lo, cải thiện chất lượng cuộc sống của người có công, bảo đảm cho người có công và thân nhân trên địa bàn huyện có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú; đồng thời có nguồn lực đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công, tưởng niệm anh hùng liệt sĩ.

- Tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ chính sách người có công đảm bảo quy định; Chú trọng công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định thông tin về liệt sĩ. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế phù hợp với mục tiêu phát triển dân số của tỉnh. Nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của quê hương, đất nước.

- Đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, liên thông, liên kết, hiện đại, hội nhập đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh từ bậc học phổ thông.

- Triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động của địa phương, trong tỉnh, trong nước và đáp ứng các chương trình thỏa thuận về hợp tác trao đổi, cung cấp lao động với nước ngoài. Chủ động tham gia hội nhập chuyên đổi số trong công tác thông tin dự báo thị trường và kết nối cung - cầu lao động; quản lý nguồn nhân lực, lao động, việc làm gắn với quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư.

- Kết nối doanh nghiệp thông tin thị trường lao động, hướng dẫn, tư vấn hỗ trợ về việc làm và tuyển dụng lao động. Triển khai đào tạo, đào tạo lại nghề cho người lao động trên địa bàn huyện để tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu kinh tế của địa phương và nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài địa bàn huyện. Thực hiện tốt chính sách tín dụng, chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có công, thân nhân người có công, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh

chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Tăng cường quản lý hoạt động đưa người lao động trên địa bàn huyện đi làm việc ở ngoài nước theo hợp đồng trong tình hình mới.

5. Tổ chức thực hiện hệ thống chính sách-xã hội và đảm bảo an sinh xã hội cho mọi người dân để không ai bị bỏ lại phía sau

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn; thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật; đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thu nhập thấp.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Cũng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ trong độ tuổi. Chú trọng quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp phù hợp, hiệu quả. Khuyến khích, phát triển giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng xã hội học tập, khuyến học, khuyến tài. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Huy động các nguồn lực để đầu tư cho các trường học khu vực công và hỗ trợ khu vực tư để góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp giáo dục đào tạo.

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực cho người dân, nhất là lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả các loại dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế. Triển khai việc chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý y tế, khám, chữa bệnh.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc. Huy động

nguồn lực đầu tư sửa chữa, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, ghi công, tưởng niệm anh hùng liệt sĩ trên địa bàn. Xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân; xây dựng thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, Khu dân cư kiểu mẫu Nông thôn mới và Nông thôn mới nâng cao.

- Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; bảo đảm cho người dân có chỗ ở chất lượng, an toàn và ổn định. Trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần ưu tiên dành quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà ở xã hội. Huy động các nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội để đầu tư phát triển nhà ở xã hội, xóa nhà tạm bợ dột nát, hỗ trợ sửa chữa nâng cấp nhà ở của người có công, bảo trợ xã hội, người dân ở vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai...

- Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân ở thành thị và nông thôn. Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, ảnh hưởng biến đổi khí hậu để cải thiện chỉ số môi trường, hướng đến môi trường xanh, kinh tế xanh, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, người thu nhập thấp và các đối tượng yếu thế. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển cơ sở dịch vụ chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; khuyến khích thành lập các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng tham gia hỗ trợ, chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em và người yếu thế.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội.

- Thu thập thông tin, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Chỉ thị 21/TTg để phục vụ nâng cao chất lượng chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

- Tiếp tục cụ thể hoá các cam kết về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, việc làm và an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện.

- Tích cực tham gia cùng tỉnh đóng góp xây dựng các định hướng hợp tác quốc tế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ chế hợp tác đa phương mới liên quan đến việc làm, an sinh xã hội và các chính sách xã hội khác để tranh thủ nguồn lực quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu phát triển chính sách - xã hội chất lượng, bền vững.

9. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

- Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng các cấp và của người đứng đầu của đơn vị, địa phương để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

- Thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ mục đích, yêu cầu và các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch này, đề nghị Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của phòng ban, đơn vị, địa phương mình để tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” và tại kế hoạch này đảm bảo hoàn thành đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW về UBND huyện (*qua Phòng LĐ-TB&XH để tổng hợp*) trước ngày 15/11 hằng năm.

2. Phòng LĐ-TB&XH

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất UBND huyện chỉ đạo, giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để báo cáo UBND tỉnh và Sở Lao

động-Thương binh và Xã hội tỉnh.

- Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”.

3. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trên địa bàn huyện

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân để nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện, các đoàn thể, hội quần chúng nắm bắt, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

Trên đây là Kế hoạch của UBND huyện thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”; yêu cầu các phòng ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện và kịp thời báo cáo tình hình, kết quả để UBND huyện biết và theo dõi chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- BTV Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban đảng, Văn phòng Huyện ủy;
- UBMTTQVN, tổ chức CT-XH huyện;
- Cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Tùng